TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2026/HNGĐ - ST
Ngày 11-02-2026
"Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thịnh.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nam và ông Nguyễn Văn Bẩy.
Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Ninh.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đình Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Kim O; địa chỉ cư trú: khu T, phường B, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân C; địa chỉ cư trú: khu C, phường A, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

3. Người làm chứng: Ông Nguyễn Doãn B; địa chỉ cư trú: khu C, phường A, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Bùi Thị Kim O trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Kim O và anh Nguyễn Xuân C tự nguyện kết hôn tại UBND xã Bình Dương, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh (nay là UBND phường An Sinh, tỉnh Quảng Ninh) vào năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về sống tại thôn C, xã B, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh (nay là khu C, phường A, tỉnh Quảng Ninh). Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, đến cuối năm 2019 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nên vợ chồng chị thường xảy ra cãi mắng, chửi bới, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn vợ chồng chị đã được gia đình hai bên động viên, hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng

chị đã sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay; khi ly thân chị và các con về sống tại thôn T, xã T, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh (nay là khu T, phường B, tỉnh Quảng Ninh), còn anh C đi làm ăn xa, ở đâu chị không rõ địa chỉ. Khoảng thời gian từ cuối năm 2019 đến năm 2022, anh C có vài lần nhờ người thân gửi tiền mua xe đạp cho con và nuôi con nhưng từ năm 2023 đến nay không thấy anh C đưa tiền nuôi con cũng như thăm con. Gần đây anh C có nhắn tin qua ứng dụng Messenger nội dung muốn đưa con gái về nhà em gái ở và có lời lẽ không đúng mực với chị và gia đình chị. Nay chị Bùi Thị Kim O xác định tình cảm dành cho anh Nguyễn Xuân C không còn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Xuân C.

- Về con chung: quá trình chung sống giữa chị Bùi Thị Kim O và anh Nguyễn Xuân C có 02 con chung tên là Nguyễn Bùi Phương L, sinh ngày 17/10/2010 và Nguyễn Xuân Đ, sinh ngày 19/01/2019. Nay vợ chồng ly hôn chị O nhận quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi trưởng thành; không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng cho con.

Chị Bùi Thị Kim O trình bày: hiện nay chị đang là giáo viên dạy tại Trường mầm non Tràng Lương thuộc phường Bình Khê, tỉnh Quảng Ninh, thu nhập trung bình 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng)/ 1 tháng. Chị O cam đoan đủ điều kiện, đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bùi Thị Kim O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Đối với bị đơn anh Nguyễn Xuân C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần lên Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh C không đến làm việc.***

**** Người làm chứng ông Nguyễn Doãn Bính trình bày:*** Ông B là bố đẻ của anh Nguyễn Xuân C. Anh Nguyễn Xuân C kết hôn với chị Bùi Thị Kim O vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Dương, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh (nay là UBND phường An Sinh, tỉnh Quảng Ninh) trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh C và chị O về chung sống cùng vợ chồng ông tại thôn C, xã B, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh (nay là khu C, phường A, tỉnh Quảng Ninh) một thời gian để thuận tiện cho việc đi dạy học của chị O nên chị O và anh C đã thuê nhà ở xã T (nay là phường B) sinh sống, tuy nhiên chị O và anh C vẫn qua lại, sinh hoạt cùng gia đình ông, vợ chồng con cái vẫn ở cùng với vợ chồng ông. Quá trình chung sống vợ chồng anh C, chị O có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể thế nào thì ông không nắm được, hiện nay chị O vẫn ở B để tiện cho việc dạy học, còn anh C đi Hồng Kông từ tháng 9/2024 nhưng gia đình ông không ai biết địa chỉ cụ thể của anh C ở Hồng Kông; thỉnh thoảng gia đình có công việc thì anh C vẫn liên lạc về với gia đình qua điện thoại. Việc chị O đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh C, quan điểm của ông B mong muốn chị O và anh C trở về đoàn tụ, cùng nhau làm ăn, nuôi dạy con cái khôn lớn, trưởng thành. Về con chung: chị O và anh C có 02 con chung tên là Nguyễn Bùi Phương L, sinh ngày 17/10/2010 và Nguyễn Xuân Đ, sinh ngày 19/01/2019, hiện nay cả hai con chung đang ở cùng chị O. Về tài sản chung và nợ chung của anh C và chị O, ông B không nắm được.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 28/12/2025, ông Nguyễn Doãn B cho biết: Anh C hiện nay đang làm việc, sinh sống tại Hồng Kông nhưng không rõ địa chỉ

ở đâu. Vợ chồng ông đã được Tòa án nhân dân khu vực 5- Quảng Ninh giao Thông báo về việc thụ lý vụ án số 59/TB – TLVA ngày 08/10/2025; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 59/TB – TA ngày 05/11/2025. Sau khi nhận được các văn bản trên, vợ chồng ông đều thông báo cho anh C biết (gọi qua điện thoại) về nội dung các văn bản của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Quảng Ninh; cụ thể về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị Kim O đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Xuân C; về con chung: chị O đề nghị Tòa án giải quyết được quyền nuôi dưỡng cả hai con chung là Nguyễn Bùi Phương L, sinh ngày 17/10/2010 và Nguyễn Xuân Đ, sinh ngày 19/01/2019 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi), anh C không phải cấp dưỡng cho con; về tài sản chung và nợ chung: chị O không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh C có nói với ông B, hiện nay anh đang ở Hồng Kông chưa về nước được nên anh C không đồng ý ly hôn với chị O, khi nào anh C về nước sẽ giải quyết sau nên anh C không có quan điểm gì về con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông B cũng hỏi anh C về địa chỉ nơi ở, nơi làm việc của anh C tại Hồng Kông nhưng anh C không cung cấp thông tin. Nay ông được Tòa án nhân dân khu vực 5 – Quảng Ninh thông tin về việc anh C nhập cảnh vào Việt Nam lần cuối vào năm 2016 và chưa có thông tin xuất cảnh, ông B khẳng định, anh C đã đi Hồng Kông từ khoảng tháng 9/2024 và hiện nay đang làm việc, sinh sống tại Hồng Kông, còn anh C đi bằng hình thức gì thì ông không nắm được.

* Tại Biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên từ đủ bảy tuổi trở lên của chị O và anh C là cháu Nguyễn Bùi Phương L. Khi được hỏi ý kiến, cháu L trình bày: do có mâu thuẫn nên bố mẹ cháu hiện nay không chung sống cùng nhau, cháu L đang ở cùng với mẹ, còn bố cháu đi đâu, làm gì, ở đâu thì bố cháu không nói cho cháu biết. Thỉnh thoảng bố cháu có gọi điện hỏi thăm cháu về sức khỏe và học tập. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng cháu muốn được ở với mẹ vì ở với mẹ cháu được quan tâm, chăm sóc tốt hơn, đầy đủ hơn.

* Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương, ông Vũ Xuân T – Trưởng khu Chi Lăng, phường An Sinh, tỉnh Quảng Ninh cho biết: Chị Bùi Thị Kim O và anh Nguyễn Xuân C là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Dương, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh (nay là UBND phường An Sinh, tỉnh Quảng Ninh) trên cơ sở tự nguyện vào năm 2009. Sau khi kết hôn, chị O và anh C về chung sống cùng bố mẹ đẻ của anh C tại thôn C, xã B, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh (nay là khu C, phường A, tỉnh Quảng Ninh) thời gian đầu, sau đó để thuận tiện cho công việc của chị O nên anh C và chị O chuyển về sinh sống tại xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường B, tỉnh Quảng Ninh). Quá trình chung sống giữa anh C và chị O có mâu thuẫn như thế nào thì ông không nắm được vì thực tế hai người không sinh sống tại địa phương, ông được biết anh C đang đi lao động ở nước ngoài, còn chị O đang dạy học ở phường Bình Khê. Về con chung: Anh C và chị O có 02 con chung là Nguyễn Bùi Phương L, sinh năm 2010 và Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 2019, hiện nay hai con chung đang sống cùng chị O. Về tài sản chung và nợ chung của chị O và anh C, ông không nắm được.

Ngoài ra, ông T cho biết: trên địa bàn phường An Sinh, tỉnh Quảng Ninh hiện nay anh Nguyễn Xuân C không thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý.

* Tại Công văn số: 4974/XNC(Đ1) ngày 03/12/2025 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh Quảng Ninh cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của anh Nguyễn Xuân C như sau: trường hợp Nguyễn Xuân C, sinh ngày 08/5/1988: xuất cảnh ngày 22/5/2011 qua cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất và nhập cảnh ngày 30/11/2016 qua cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế Nội Bài đều bằng hộ chiếu số B5079193.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Quảng Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giải quyết cho chị Bùi Thị Kim O được ly hôn với anh Nguyễn Xuân C; giao con chung Nguyễn Bùi Phương L, sinh ngày 17/10/2010 và Nguyễn Xuân Đ, sinh ngày 19/01/2019 cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng; anh Nguyễn Xuân C có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở và không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Bùi Thị Kim O thì đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Xuân C có địa chỉ cư trú tại khu Chi Lăng, phường An Sinh, tỉnh Quảng Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15.

Về việc xét xử vắng mặt đương sự: trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Xuân C được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt (không có lý do) và không có đơn xin xét xử vắng mặt; nguyên đơn chị Bùi Thị Kim O có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo như ông Nguyễn Doãn B (là bố đẻ của anh Nguyễn Xuân C) cung cấp thông tin thì hiện nay anh C đang sinh sống, làm việc tại Hồng Kông. Tuy nhiên căn cứ Công văn số: 4974/XNC(Đ1) ngày 03/12/2025 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh Quảng Ninh thì anh C nhập cảnh vào Việt Nam từ ngày 30/11/2016, không có thông tin xuất cảnh. Vì vậy, không có cơ sở pháp lý khẳng định anh C hiện nay đang ở nước ngoài; do đó Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Kim O và anh Nguyễn Xuân C tự nguyện về chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, giữa chị O và anh C có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xảy ra cãi mắng, chửi bới, xúc phạm nhau. Chị O và anh C hiện nay đã sống ly thân, mỗi người sống một nơi, không quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị O đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh C vì tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc.

Hội đồng xét xử xét thấy: trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh C đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh C không đến Toà án làm việc và cũng không có quan điểm về việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào lời trình bày của chị O cũng như các tài liệu Toà án thu thập được, xét thấy giữa chị O và anh C có mâu thuẫn, cả hai hiện nay đã sống ly thân (anh C không có mặt tại địa phương, theo như bố đẻ của anh C khẳng định hiện nay anh C đang lao động, sinh sống tại Hồng Kông). Chị O và anh C không còn sống chung, vợ chồng không còn thực hiện nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, quan tâm giúp đỡ nhau cả về vật chất và tinh thần, không cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị O và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị O được ly hôn anh C theo quy định tại khoản 1 Điều 56 và Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung:

Chị Bùi Thị Kim O và anh Nguyễn Xuân C có hai con chung là cháu Nguyễn Bùi Phương L, sinh ngày 17/10/2010 và Nguyễn Xuân Đ, sinh ngày 19/01/2019; nay ly hôn chị O nhận quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi trưởng thành; không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng cho con.

Hội đồng xét xử xét thấy: khi chị O và anh C sống ly thân, các con chung là Nguyễn Bùi Phương L và Nguyễn Xuân Đ đều sống cùng chị O; mặt khác hiện nay anh C không có mặt tại địa phương; chị O có công việc và thu nhập ổn định, đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Do đó, cần giao các con chung cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng cho con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình và nguyện vọng của các con chưa thành niên.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chưa thành niên, nếu xét thấy người trực tiếp nuôi con không đủ điều kiện hoặc lợi ích của con chưa thành niên không được đảm bảo thì căn cứ Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, các đương sự

hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bùi Thị Kim O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Bùi Thị Kim O là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Quảng Ninh về nội dung giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; các khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: *chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Kim O được ly hôn anh Nguyễn Xuân C.

2. Về con chung: giao cho chị Bùi Thị Kim O có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung tên là Nguyễn Bùi Phương L, sinh ngày 17/10/2010 và Nguyễn Xuân Đ, sinh ngày 19/01/2019 kể từ ngày xét xử (ngày 11/02/2026) cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Nguyễn Xuân C không phải cấp dưỡng cho con.

Anh Nguyễn Xuân C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Chị Bùi Thị Kim O cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Xuân C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Kim O phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001022 ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị O đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Viện KSND khu vực 5 - Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH (UBND phường An Sinh, tỉnh Quảng Ninh);
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Thị Thịnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Thị Thịnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Xuân Giới **Lương Xuân Sớm** **Tô Thị Thịnh**